

Bản tin chứng khoán

Trong số này

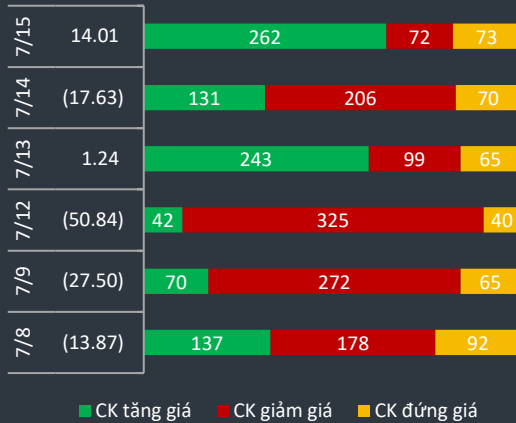
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG	227.51
SSI	153.68
STB	121.03
VNM	86.01
GEX	40.44
MBB	39.01
NVL	38.67
CTG	30.80
BVH	(12.83)
VCI	(13.51)
VPB	(14.58)
PDR	(16.68)
VRE	(17.70)
KDH	(31.49)
VJC	(38.28)
VIC	(59.40)

Thị trường phiên sáng hạ nhiệt hẳn so với hôm qua. Lực bán ra cũng yếu, không dồn dập như trước. Có điều cầu cũng không quá vội vàng vì vậy thanh khoản vẫn yếu. Do nay là phiên đảo hạn phái sinh nên nhà đầu tư cũng thận trọng và không quá vội vàng vào hàng.

Tuy nhiên tình hình bắt đầu thay đổi từ đầu phiên chiều khi nhóm trụ được kéo mạnh đặc biệt là cổ phiếu ngân hàng. BID, VCB chỉ nhích qua tham chiếu nhưng nhóm ngân hàng tầm trung STB, OCB, CTG, VPB, ACB đều tăng trên 4%. Nhóm ngành thứ hai là chứng khoán cũng bung rất mạnh với hầu hết cổ phiếu đều tăng trung bình 4% trong ngày. VCI, VND, MBS, HCM, SSI đều tăng từ 4%-6%.

Trong đợt downtrend vừa qua nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán bị đè nhiều nhất với mức trung bình đến 20% vì vậy hai nhóm ngành này chỉ cần chậm lại đà rơi là thị trường có nhiều cơ hội đảo chiều rất lớn. Và khi thị trường đã có tín hiệu hồi thì hai nhóm ngành này sẽ chạy nhanh nhất dẫn sóng.

Nhóm FLC hôm nay khá im ắng và còn đi ngược thị trường khi FLC, ROS, ART đều mất điểm -2% cuối phiên. Nhóm Big và Mid cap tăng đáng chú ý trong ngày có OCB, GVR, SSI, STB, HBC, VCI, CTG, VPB.

Nhóm Vingroup lại không thể hiện nhiều khi VIC, VRE, VHM xoay quanh tham chiếu. Trong nhóm VN30, SSI, HPG, POW, SBT cùng với cổ phiếu ngân hàng tăng mạnh nhất.

Sàn HOSE đóng cửa tăng 14 điểm – thấp hơn một chút so với mức High trong ngày. Tổng giá trị giao dịch cỡ 14k tỷ - thấp hơn phiên trước đến 15%. Độ rộng thị trường hôm nay lệch hẳn với hơn 287 mã tăng so với 82 mã giảm.

Khối ngoại trong ngày mua vào 2285 tỷ và bán ra 1556 tỷ đồng. Ở nhóm ngân hàng khối ngoại mua ròng khoảng 240 tỷ trong đó nhiều nhất là STB, MBB, CTG, HDB, LPB. Một số cổ phiếu mua ròng nhiều khác ngoài nhóm ngân hàng có HPG, SSI, VNM, GEX, HSG.

Vnindex 1,293.92

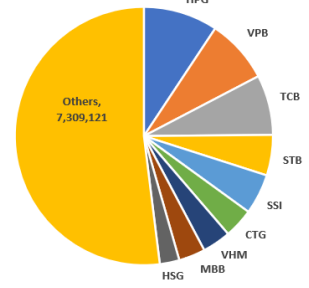
▲ +14.01 (+1.09)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SSI	53.7	2,700	5.29
STB	28.8	1,400	5.11
GVR	30.5	1,200	4.10
VPB	64.0	2,500	4.07
CTG	35.0	1,300	3.86
HPG	46.5	1,500	3.33
ACB	32.8	1,000	3.15
POW	10.7	250	2.39
TCB	52.1	1,100	2.16
TPB	33.7	700	2.12
HDB	33.2	550	1.68
MBB	29.3	450	1.56
VIB	44.9	500	1.13
BVH	50.5	500	1.00
HVN	26.0	250	0.97
VHM	110.3	800	0.73
VCB	102.5	700	0.69
MWG	167.1	600	0.36
VNM	85.2	200	0.24
BID	42.7	100	0.23
FPT	85.4	200	0.23
REE	51.2	100	0.20
PLX	50.9	-	-
NVL	104.0	-	-
SAB	159.9	(100)	(0.06)
DHG	92.0	(100)	(0.11)
PDR	87.2	(300)	(0.34)
VRE	28.0	(250)	(0.88)
GAS	90.5	(800)	(0.88)
PNJ	95.1	(900)	(0.94)
VIC	102.0	(1,000)	(0.97)
MSN	115.0	(1,200)	(1.03)
VJC	114.8	(2,200)	(1.88)
BCM	45.3	(3,400)	(6.99)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex có phiên hồi khá quan trọng trước khi lùi về ngưỡng hỗ trợ bên dưới quanh 1220-1240. Thanh khoản vẫn rất thấp chỉ bằng 1/2 so với trung bình hàng ngày nhưng điều này cũng không quá quan trọng. Những đợt thị trường tạo đáy trước đó thanh khoản cũng ở mức rất thấp vì các tài khoản T3 vẫn chưa có lãi và nhiều nhà đầu tư vẫn ở trạng thái chờ.

Tín hiệu kỹ thuật cho thấy ngay tại EMA 100 quanh mốc 1270 hiện là hỗ trợ mạnh và kỳ vọng đây có thể là đáy của nhịp hiện tại. Đây cũng là mốc thời điểm tháng 1 chỉ số Vnindex cũng hồi phục tại hỗ trợ EMA 100 này. Nếu chỉ số có thể giữ vững tại 1270 trong các phiên tới sẽ tạo đáy kỹ thuật ngắn hạn. Những nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu theo khuyến nghị từ đầu tuần có thể duy trì nắm giữ và chỉ giải ngân thêm khi thị trường điều chỉnh.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	51.2	(3.4)	50	23	Mua quanh 50 - 51	7/12/2021	0.4%
GVR	30.5	(10.2)	28	65	Chờ tín hiệu hồi, mua quanh 28-29	7/12/2021	3.7%
HCM	48.2	(4.7)	44	65	Chờ tín hiệu mua, quanh 44-46	7/12/2021	7.1%
VCI	53.0	(2.4)	50	60	Chờ tín hiệu mua, quanh 50-52	7/12/2021	2.9%
SSI	53.7	(1.3)	45	70	Mua quanh 50-51	7/12/2021	7.4%
MBB	29.3	(6.0)	25	35	Nắm giữ, mua thêm quanh 25	7/12/2021	1.0%
OCB	27.4		27	40	Chờ tín hiệu mua, quanh 25-27	7/12/2021	1.5%
TCB	52.1	(8.0)	52	30	Nắm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	-1.7%
CTG	35.0	(9.3)	35	22	Chờ tín hiệu mua, quanh 30-33	7/12/2021	2.9%
HPG	46.5	(5.1)	45	44	Nắm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	3.3%
STB	28.8	(4.6)	27	25	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	2.9%
DGW	132.5	(7.7)	120	50	Nắm giữ	3/3/2021	32.5%
MWG	167.1	(3.1)	130	150	Nắm giữ	2/3/2021	31.1%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

HSG	4.65
HBC	4.71
PAN	4.74
HAX	4.80
PET	4.90
HCD	4.94
STB	5.11
BIC	5.14
FCN	5.21
TDC	5.28
SSI	5.29
FTS	5.33
GEX	5.45
VND	5.91
PC1	5.91
IJC	6.82
CTS	6.85
PHC	6.85
SBT	6.86
TCO	6.96
TEG	7.00

Top tăng giá HNX

PMB	5.15
MBS	5.26
DST	5.26
PCG	5.45
KHS	5.45
NHA	5.53
TVC	5.63
SHN	6.00
APS	6.50
HUT	7.14
HVA	7.84
PCE	8.15
LIG	8.70
CET	8.93
PSI	9.64
SHB	9.64
NSH	9.68

PPC - CTCP Nhiệt điện Phả Lại - Quý 2/2021, PPC ghi nhận doanh thu đạt 1.218,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 120,2 tỷ đồng, lần lượt giảm mạnh 46% và 57% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 2.297,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 258,7 tỷ đồng, lần lượt giảm 49% và 37,7% so với 6 tháng đầu năm 2020.

HND - CTCP Nhiệt điện Hải Phòng - Quý 2/2021, HND ghi nhận doanh thu đạt 2.623,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 188,2 tỷ đồng, lần lượt giảm mạnh 16% và 65,5% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 4.613,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 177 tỷ đồng, lần lượt giảm 25% và 76% so với 6 tháng đầu năm 2020.

AGR - CTCP Chứng khoán Agribank – Đã thông qua phương án bán 800.000 cổ phiếu quỹ từ ngày 23/7 đến 20/8 theo phương thức khớp lệnh. Giá bán theo các quy định của pháp luật và tối thiểu 13.500 đồng/cổ phiếu.

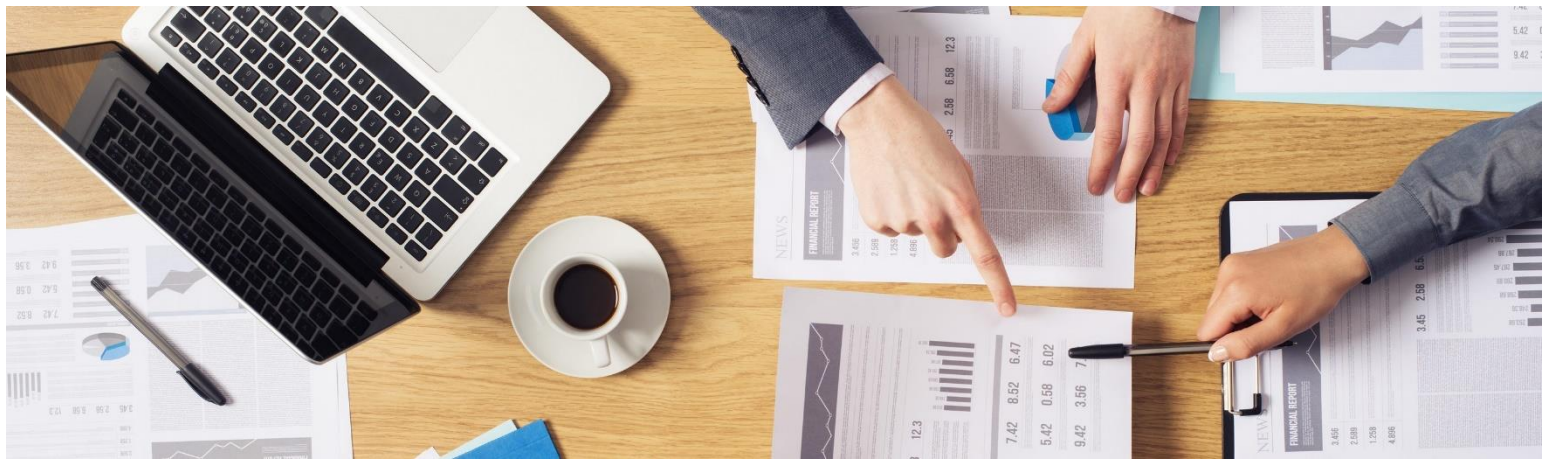
TDP - CTCP Thuận Đức - Công ty thông báo, ngày 19/7 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 1 -0,12 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 0,12 cổ phiếu mới), tương đương TDP sẽ phát hành thêm hơn 6,45 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

HID - CTCP Halcom Việt Nam – Công ty thông qua việc góp vốn 125 tỷ đồng thành lập CTCP Điện gió Halcom – Quảng Bình, tương ứng tỷ lệ sở hữu 96,15% Công ty mới. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III và quý IV/2021.

OPC - CTCP Dược phẩm OPC - Ngày 14/7, HĐQT đã có nghị quyết chấp thuận đơn từ chức Tổng giám đốc của ông Trương Đức Vọng.

NDN - CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng - Ngày 28/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 29/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 08/9/2021 và cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1,5 cổ phiếu mới), tương đương NDN sẽ phát hành thêm hơn 9,34 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

MBG - CTCP Tập đoàn MBG - Ngày 19/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 20/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 5 cổ phiếu mới).

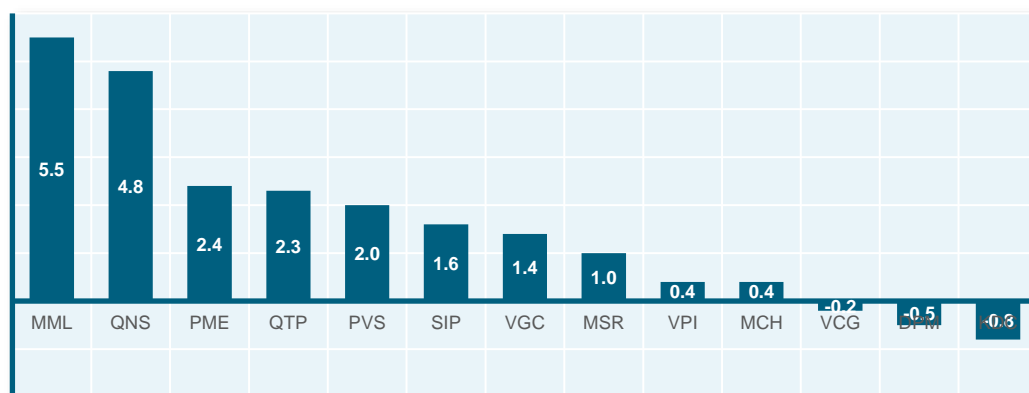


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
SHB	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	26,674
	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ năm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	21.3	1,554,309	9.6	1.3	-	-	12,169	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	32.8	5,095,400	7.4	1.9	3,581,900	3,582,800	88,489	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	23.3	119,100	24.8	1.9	-	-	16,508	-	939	12,064
BID	HNX	42.7	1,793,200	20.3	2.1	78,700	95,300	171,740	16.70	2,103	20,453
CTG	HOSE	35.0	15,110,200	7.4	1.4	1,727,800	838,400	130,319	24.68	4,761	24,665
EIB	HOSE	27.1	339,600	38.0	2.0	3,700	86,100	33,318	29.81	713	13,822
HDB	HOSE	33.2	2,865,600	8.2	2.0	965,200	48,700	52,913	17.97	4,066	16,572
LPB	UPCOM	27.7	4,560,300	12.4	2.0	575,400	100	29,767	3.22	2,239	14,059
MBB	HOSE	29.3	16,136,300	7.5	1.5	2,623,300	1,281,600	82,004	21.76	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.5	6,092,400	11.7	1.9	306,000	-	32,917	29.96	2,436	15,368
NVB	HNX	19.0	3,007,313	-	1.8	19,600	200	7,729	8.71	27	10,532
OCB	HOSE	27.4	2,072,500	8.2	1.6	49,700	-	30,028	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	27.3	27,359,969	13.6	1.9	6,700	26,700	52,568	4.03	2,013	14,631
SSB	HOSE	40.3	1,725,100	30.3	3.4	-	-	48,712	-	1,331	11,769
STB	HOSE	28.8	25,368,800	19.3	1.7	4,799,900	555,000	51,945	13.87	1,495	16,485
TCB	HOSE	52.1	20,322,400	12.8	2.3	1,960,800	1,960,800	182,606	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	33.7	3,272,200	7.7	1.9	-	-	36,115	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	102.5	2,319,400	18.0	3.8	1,449,300	1,514,200	380,160	23.65	5,708	27,234
VIB	HOSE	44.9	2,070,800	8.5	2.6	6,500	4,000	69,736	20.36	5,297	17,420
VPB	HOSE	64.0	17,772,800	13.8	2.8	-	230,800	157,104	19.33	4,628	22,811
			158,957,691	14.70	2.09	18,154,500	10,224,700	1,666,847		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

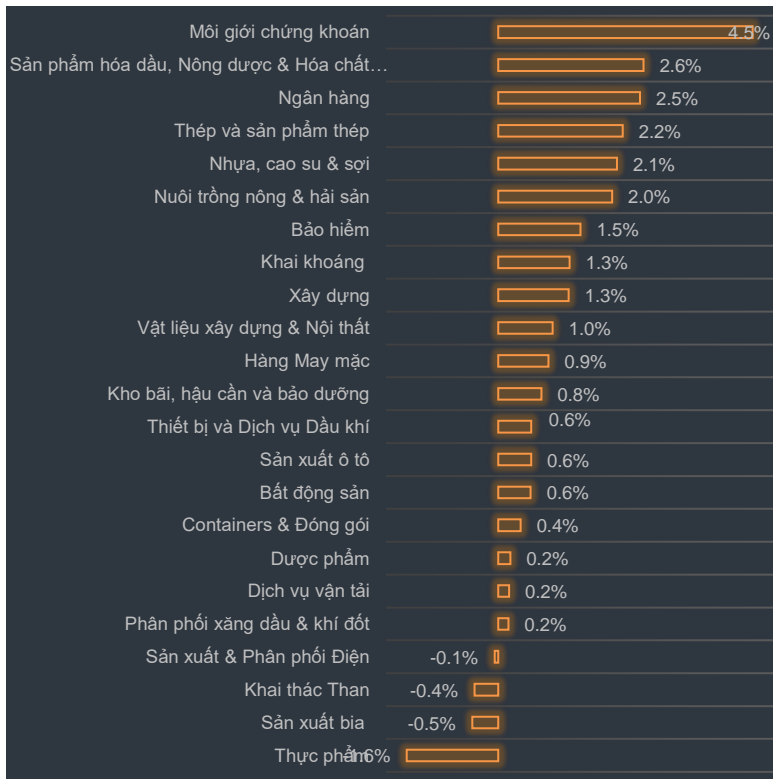
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	53,700	15,339,064	35,168,915	2,552.8	21.0	3.03	17,724	5.29
VCI	UPCOM	53,000	2,896,266	17,649,000	2,829.4	18.7	1.79	29,655	3.92
HCM	HNX	48,200	6,413,003	14,703,017	2,674.9	18.0	3.09	15,612	4.56
VND	UPCOM	41,200	6,664,987	8,838,005	5,308.7	7.8	1.97	20,939	5.91
SHS	UPCOM	40,500	9,755,698	8,394,362	4,994.5	8.1	2.26	17,951	4.65
MBS	UPCOM	30,000	2,758,830	8,028,206	1,279.0	23.5	2.28	13,147	5.26
FTS	HOSE	33,600	637,280	4,958,224	2,841.6	11.8	1.89	17,751	5.33
VIX	HNX	22,300	4,680,316	2,848,133	5,259.2	4.2	1.38	16,190	2.53
AGR	HOSE	13,100	3,233,457	2,766,719	572.1	22.9	1.34	9,775	6.50
BSI	UPCOM	21,500	2,158,846	2,613,770	2,051.4	10.5	1.69	12,711	4.37
ORS	HNX	22,800	1,244,806	2,280,000	1,516.4	15.0	2.16	10,574	1.33
VDS	HOSE	23,500	1,177,068	2,352,348	3,383.2	6.9	1.82	12,884	2.62
CTS	HOSE	21,100	2,044,405	2,239,712	2,444.1	8.6	1.52	13,885	6.85
TVS	HOSE	25,300	137,832	2,480,438	4,714.3	5.4	1.70	14,852	2.43
BVS	UPCOM	27,800	1,337,102	2,007,164	3,033.8	9.2	1.03	26,909	4.91
EVS	HOSE	32,800	421,971	1,968,013	2,382.6	13.8	2.32	14,167	0.31
SBS	HOSE	12,900	3,522,537	1,633,914	25.2	512.8	7.85	1,643	4.03
PHS	HOSE	13,900	1,283	1,251,000	828.3	16.8	1.23	11,291	14.88
TVB	HOSE	14,200	843,888	1,010,243	1,973.7	7.2	1.22	11,645	3.65
ART	HNX	9,000	5,988,934	872,303	269.8	33.4	0.79	11,459	(3.23)
TCI	UPCOM	13,500	308,373	668,250	2,331.0	5.8	1.10	12,235	2.27
IVS	UPCOM	9,000	134,570	624,150	352.2	25.6	0.91	9,862	3.45
BMS	UPCOM	12,800	109,003	640,000	1,808.9	7.1	0.99	12,977	3.23
APS	HOSE	13,100	2,174,863	510,900	2,395.8	5.5	1.18	11,126	6.50
PSI	UPCOM	9,100	208,271	544,556	182.9	49.7	0.87	10,519	9.64



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VC3	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	CSV	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VLW	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NBT	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	PDN	HOSE	20/07/2021	21/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SVC	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	POT	HNX	19/07/2021	20/07/2021	12/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TV2	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV2	HOSE	16/07/2021	19/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	BRC	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SGN	HOSE	16/07/2021	19/07/2021	3/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	PCE	HNX	16/07/2021	19/07/2021	26/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	IST	UPCoM	16/07/2021	19/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NSS	UPCoM	16/07/2021	19/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 8,296 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	LBC	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 950 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HWS	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 875 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	NAP	HNX	15/07/2021	16/07/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TDC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PSL	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	BWS	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DOP	UPCoM	15/07/2021	16/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BCE	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	26/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HAD	HNX	15/07/2021	16/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	PPC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TCL	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VNR	HNX	14/07/2021	15/07/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Thưởng cổ phiếu

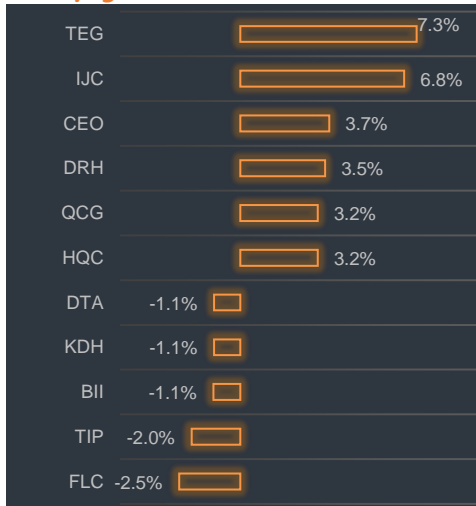
Tăng giảm ngành trong ngày



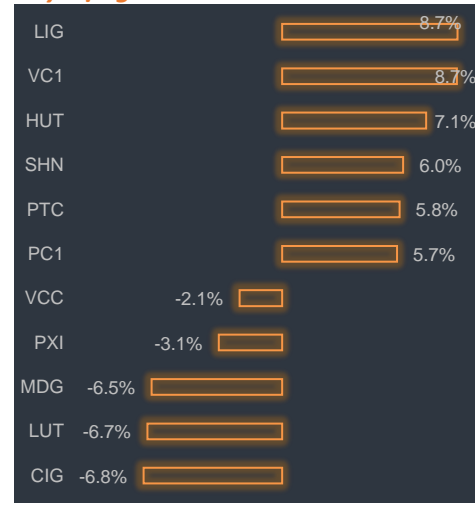
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	TEG, IJC, CEO
Xây dựng:	LIG, VC1, HUT
Dầu khí:	PCG, TDG, CNG
Chứng khoán:	PSI, CTS, APS
Ngân hàng:	SHB, STB, OCB

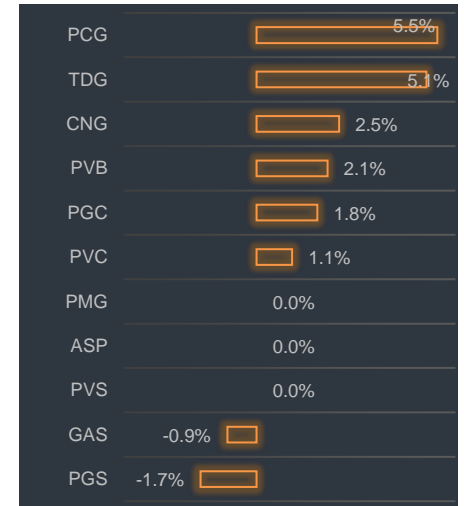
Bất động sản



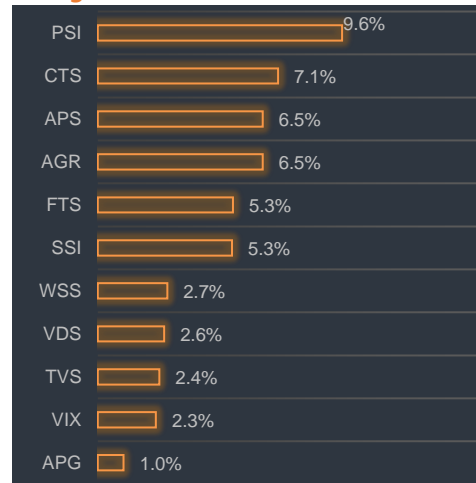
Xây dựng



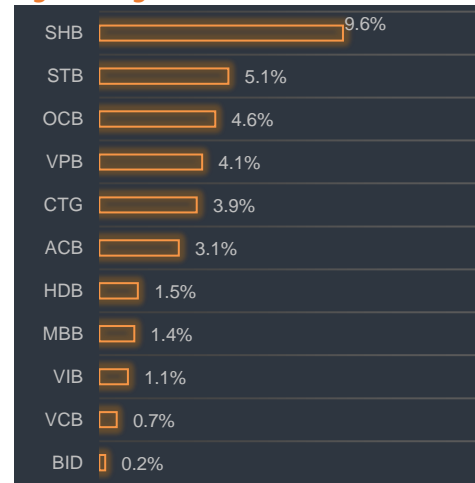
Dầu khí



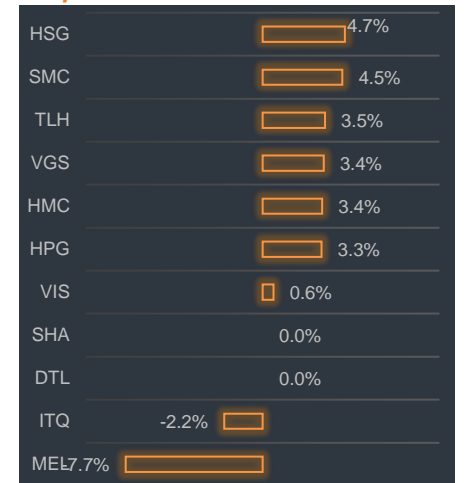
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931